

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
KỶ NIỆM 60 NĂM BẾN VÙNG RỘ TIẾP NHẬN CHUYÊN HÀNG ĐẦU
TIÊN CỦA TÀU KHÔNG SỐ VÀO BẾN (28/11/1964 - 28/11/2024)



I. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC CHI VIỆN LỰC LƯỢNG VÀ VŨ KHÍ TRANG BỊ CHO CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM

1. Chủ trương của Đảng về công tác chi viện lực lượng và vũ khí trang bị cho chiến trường miền Nam

Để kịp thời đáp ứng yêu cầu chi viện cho chiến trường miền Nam, giữa năm 1959, Bộ Chính trị ra chỉ thị: *"Tổ chức một đoàn giao thông quân sự đặc biệt, mở đường đưa cán bộ, tiếp tế vũ khí và những hàng cần thiết khác vào miền Nam. Đây là một việc lớn, có tính chất chiến lược, quan hệ trực tiếp đến sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc"* [1].

Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, ngày 15 tháng 5 năm 1959, Tổng Quân ủy và Bộ Quốc phòng ra quyết định thành lập một cơ quan nghiên cứu mở đường vận tải để đưa lực lượng, vũ khí chi viện cho chiến trường miền Nam lấy tên là "Đoàn công tác quân sự đặc biệt" (Đơn vị tiền thân của Đoàn 559). Thượng tá Võ Bầm - Cục phó Cục Nông trường quân đội, người có nhiều năm công tác ở chiến trường Liên khu 5 và Tây Nguyên, thông thuộc đường bộ và đường biển từ Bắc vào Nam, được giao nhiệm vụ phụ trách cơ quan nghiên cứu này [2].

Sau một thời gian nghiên cứu và chuẩn bị, ngày 19 tháng 5 năm 1959, Thường trực Tổng Quân ủy, Bộ Quốc phòng triệu tập Ban cán sự, chính thức giao nhiệm vụ cho Đoàn 559¹, tổ chức mở đường giao thông quân sự vào miền Nam dọc theo dãy Trường Sơn, vận chuyển hàng quân sự cho miền Nam; đưa, đón bộ đội, cán bộ từ Bắc vào Nam và từ Nam ra Bắc; trước mắt cho Liên khu 5. [3]

Ngày 01 tháng 6 năm 1959, Tiểu đoàn 301 - tiểu đoàn vận tải bộ đầu tiên của Đoàn 559 thành lập, gồm 440 cán bộ, chiến sĩ tuyển chọn từ Lữ đoàn 305 do Đại úy Chu Đăng Chử làm Tiểu đoàn trưởng và Đại úy Nguyễn Danh (tức Chính) làm Chính trị viên, có nhiệm vụ mở đường bộ vào Nam; tổ chức vận chuyển bằng sức người: gửi, thả đi theo đường mòn trên dãy Trường Sơn. Tiểu đoàn 301 đặt căn cứ xuất phát tại Khe Hó (Vĩnh Linh), đặt trạm đầu tiên tại động Hàm Nghi, từ đó vượt sông Bến Hải qua những đỉnh núi cao chót vót, vách đá dựng đứng của miền Tây Quảng Trị, vừa mở đường vừa đặt trạm men theo triền phía đông dãy Trường Sơn qua khu vực của đồng bào các dân tộc Tà Ôi, Vân Kiều, Pa Cô,... nối liền đường dây liên lạc của Trung ương với Liên khu 5 rồi tiếp tục tiến xuống phía Nam.

Ngày 20 tháng 8 năm 1959, Tiểu đoàn 301 đặt trạm thứ 9 ở Pa Lin (A Lưới, miền Tây Thừa Thiên), giao chuyên hàng đầu tiên, khối lượng khoảng 500kg cho chiến trường Liên khu 5 gồm vũ khí, thuốc chữa bệnh, công văn, thư tín, trong đó có 5 khẩu trung liên. Từ đây, con đường chi viện chiến lược trên bộ dọc theo dãy Trường Sơn, nối liền hậu phương miền Bắc với tiền tuyến miền Nam hình thành. [4]

¹ Ngày 12 tháng 9 năm 1959, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 446/QĐ-QP chính thức thành lập "Đoàn công tác quân sự đặc biệt" lấy phiên hiệu là Đoàn 559 (tên gọi thời điểm thành lập).

Tính đến cuối năm 1959, bằng cách gửi thồ, Tiểu đoàn 301 đã đưa đến Pa Lin giao cho Quân khu 5 được 31 tấn hàng quân sự gồm 1.700 súng bộ binh, 850 dao găm, 188kg thuốc nổ và một số đồ dùng, trang bị quân sự... Cũng theo con đường này, đến cuối năm 1959, có 542 cán bộ, chiến sĩ, gồm phần lớn là cán bộ chỉ huy cấp trung đội, đại đội, cán bộ huấn luyện, bộ đội đặc công, nhân viên cơ yếu, thợ sửa chữa vũ khí được bổ sung cho các chiến trường (trong đó có 515 người vào Liên khu 5 và 27 người vào Nam Bộ). [5]

Tuy được tăng cường lực lượng, phương tiện nhưng hiệu quả vận chuyển của tuyến đường bộ vẫn rất thấp vì phương thức vận chuyển giai đoạn này chủ yếu là gửi thồ trong điều kiện rất gian khổ và phải tuyệt đối bí mật. Đường mới xoi tìm nên chưa được cải tạo, nhiều dốc cao, nhiều muỗi, vắt, rắn, rết,... Thêm vào đó, còn gặp muôn vàn khó khăn do mưa lũ, do địch ngăn chặn. Theo nhận định của Bộ Tổng Tư lệnh, trong thời gian từ 3 đến 4 năm trước dù cố gắng đến mức cao nhất, Đoàn 559 cũng chưa thể mở được đường vận tải dọc theo dãy Trường Sơn vào đến các chiến trường xa là Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Vì vậy, Bộ Chính trị quyết định tổ chức vận chuyển bằng đường biển để bảo đảm kịp thời yêu cầu của chiến trường. Bộ Quốc phòng phân công đồng chí Trần Văn Trà, Tổng tham mưu phó trực tiếp phụ trách việc mở tuyến vận tải trên biển.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Quốc phòng, tháng 7 năm 1959, Tiểu đoàn 603 - đơn vị vận tải đường biển được thành lập, thuộc Đoàn vận tải quân sự 559. Tiểu đoàn 603 có 107 người (hầu hết là cán bộ, chiến sĩ miền Nam tập kết) do đồng chí Hà Văn Xá làm Tiểu đoàn trưởng, Thượng úy Lưu Đức làm Chính trị viên. Tiểu đoàn đóng quân ở thôn Thanh Khê, xã Thanh Trạch (Bố Trạch - Quảng Bình), bên bờ sông Gianh². Để giữ bí mật, Tiểu đoàn 603 được mang tên: *Tập đoàn đánh cá Sông Gianh*.

2. Sự lãnh đạo và tổ chức thực hiện của Tỉnh ủy Phú Yên tiếp nhận hàng chi viện từ miền Bắc vào Vũng Rô

a) Chọn bến cho tàu vào

Tháng 7 năm 1963, đồng chí Trần Suyền - Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên nhận được điện hỏa tốc của Khu ủy giao cho Phú Yên cử người thạo đường biển ra Bắc để làm nhiệm vụ đặc biệt hướng dẫn tàu vào chi viện cho Khu 5. Chấp hành chỉ thị của cấp trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên quyết định bí mật chọn người ra Bắc để hướng dẫn tàu chi viện vũ khí từ miền Bắc vào Khu 5. Từ tháng 8 đến tháng 10 năm 1963, có 2 tổ gồm 5 đồng chí giỏi nghề biển: Lê Kim Tụ, Trần Kim Hiền, Nguyễn Thanh Xuân, Trần Mỹ Thành và Phạm Dợn lên đường ra Bắc.

Tháng 7 năm 1964, Ban Thường vụ Liên Tỉnh ủy 3 và Phân khu Nam tổ chức Hội nghị liên tịch tại Suối Phần thuộc xã Hòa Mỹ huyện Tuy Hòa 1 bàn việc chọn bến để đón tàu từ miền Bắc theo đường biển chở vũ khí vào chi viện cho chiến trường Phú Yên và Liên tỉnh. Dự họp về phía Bộ Tư lệnh Phân khu Nam có đồng chí Lê Đình Yên - Phó Chính ủy, đồng chí Y Blốc - Phó Tư lệnh, cùng các

² Sông Gianh là con sông lớn chạy qua tỉnh Quảng Bình, cắt ngang đường số 1. Ở đây có cảng, do vậy nơi cửa sông, ngày đêm tàu ra vào nhộn nhịp.

đồng chí lãnh đạo Liên tỉnh. Cuộc họp đưa ra các phương án chọn bến chuẩn bị đón tàu đưa vũ khí vào đất liền và vận chuyển an toàn về hậu cứ. [6]

Phương án 1: Chọn Vịnh Xuân Đài - Sông Cầu.

Qua đánh giá tình hình xét thấy: Vịnh Xuân Đài có địa thế tốt, nước sâu, tàu ra vào ỏn núp thuận tiện. Các xã xung quanh vịnh có phong trào cách mạng khá, ta làm chủ liên hoàn. Nhưng vịnh Xuân Đài có nhược điểm là hành lang phía sau hẹp, vì vậy khi tiếp nhận một lượng hàng hóa lớn, dân công đi về nhiều, vượt qua ba tuyến địch (quốc lộ số 1, tỉnh lộ số 6, căn cứ Đồng Tre Xuân Phước) sẽ dễ bị lộ và gặp nhiều khó khăn trong việc bảo đảm an toàn hành lang vận chuyển về hậu cứ và cấp phát lương thực cho dân công.

Phương án 2: Chọn bến Vũng Rô - Tuy Hòa.

Bến Vũng Rô nằm ở Tuy Hòa 1, quê hương giàu truyền thống cách mạng trong chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ. Hơn nữa, địa hình Vũng Rô phía bắc giáp dãy núi Đá Bia cao 706 mét, phía nam giáp hòn Nura, phía tây giáp dãy núi đèo Cả, Quốc lộ 1A và đường sắt. Địa hình Vũng Rô núi non hiểm trở bao bọc có nhiều hang, gộp đá, đường sá độc đạo thuận tiện cho việc hoạt động tác chiến của các lực lượng vũ trang, có điều kiện cho việc di chuyển cơ động quân và vận chuyển vũ khí về vùng căn cứ, vùng giải phóng; thuận lợi cho việc sơ tán lực lượng, tránh được hỏa lực địch, cất giấu lương thực, vũ khí...

Qua đánh giá các yếu tố về địa hình, vị trí địa lý, tình hình địch, ta và nhân dân địa phương, hội nghị đã thống nhất chọn bến Vũng Rô để đón tàu vào, vì Vũng Rô có đầy đủ điều kiện "*Thiên thời, địa lợi, nhân hòa*". Đồng chí Trần Suyền (Sáu Râu). Ủy viên Thường vụ Liên Tỉnh ủy, Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên thay mặt Liên Tỉnh ủy 3, Tỉnh ủy Phú Yên, Huyện ủy Tuy Hòa nhận nhiệm vụ cực kỳ quan trọng là tổ chức bến, hành lang, lực lượng bảo vệ để đón tàu vào và tiếp nhận cất giấu, vận chuyển vũ khí, hàng hóa về căn cứ. Ban chỉ huy bến nhiều ngày trình sát chuẩn bị trên nhiều vùng như bãi Bàng, bãi Lau, bãi Chính, bãi Ngà, bãi Chùa... Qua phân tích chọn lọc kết quả khảo sát, Ban chỉ huy bến quyết định: Chọn bến bãi Chính cho tàu cập bến, điểm đậu của tàu là về núi Tây bãi Chính, địa hình kín đáo, địa bàn rộng, tiếp nhận cơ động vận chuyển hàng tiện lợi.

b) Phương tiện, nhân lực chuyển hàng

Để đưa hàng chi viện từ tàu xuống bến và đưa hàng đến các chiến trường, đòi hỏi phải có nhân lực và vật liệu để thực hiện các công việc:

- Đóng cầu cảng bí mật để xuống hàng và chuẩn bị ghe chở hàng.

Việc làm cầu cảng khi có tàu vào được tiến hành từ xẩm tối đến trước 24 giờ phải xong, khi bốc hàng xong phải tháo dỡ ngay trong đêm để đảm bảo bí mật. Sau khi đưa vũ khí xuống ta lại phải đưa cát lên tàu để dẫn tàu nhằm giữ ổn định cho tàu khi ra biển gặp sóng gió.

Ngoài ra, ta còn huy động 10 chiếc thuyền của ngư dân các thôn Lô Ba, Phú Lạc xã Hòa Hiệp để vận chuyển từ bến đến Hóa Chỗ, Bãi Xếp dân công bốc lên đưa vào kho chính Hang Vàng, Hang Sỏi, căn cứ miền Đông huyện Tuy Hòa 1. Đồng thời, ta thả đèn măng sông tại ngọn hải đăng Mũi Điện làm điểm hướng dẫn cho tàu vào; chặt cây làm cầu tạm.

- Chuẩn bị 2 hệ thống kho:

+ Kho tạm tại chỗ được chuẩn bị dọc ven núi, phân tán hàng cất giấu tạm. Có 2 khu vực:

* Khu vực suối Lim - làng Thượng, ở đây có nhiều gộp đá dọc theo suối để cất hàng.

* Khu vực hàu Sáu (Hang Vàng), Hang Sỏi có nhiều gộp đá to, nhiều chỗ cất giấu, người đi xuống gộp có thể bị lạc.

+ Kho hậu cứ Hoà Thịnh gồm các gộp đá ở Cỏ Ống, suối Lạnh, suối Cùng và kho hậu cứ Hoà Mỹ ở bên Đá, suối Phần do quân khu quản lý.

c) Chọn phương án vận chuyển hàng vào nơi cất giấu

Việc chọn lựa, huy động vài trăm dân công phục vụ làm bến vận chuyển hàng hóa trong một đợt tàu vào tuy khó khăn nhưng các xã khắc phục được, song việc bốc hàng do dân công đảm nhiệm không có kinh nghiệm nên gặp lúng túng khó khăn. Đường vận chuyển đến các kho xa, qua núi cao, qua đường sắt, nhất là khu vực quốc lộ số 1 đoạn Hòa Xuân xuyên qua vùng địch kiểm soát gặp nhiều khó khăn. Nếu ta dùng trung chuyển bằng thuyền ghe nhỏ lên Bãi Xếp, Hóc Chỗ nhanh, tiện lợi, song dễ gặp các đội hải thuyền địch đóng ở Nha Trang, Tuy Hòa thường tuần tra kiểm soát trên biển. Mặt khác số lượng tàu thuyền ngư dân đánh bắt trên biển cũng khá đông, việc cảnh giác giữ bí mật phải được đề cao thận trọng, chỉ vận chuyển được vào ban đêm.

Vũng Rô nước sâu, êm sóng, Bãi Chính, Bãi Chùa được dải núi Mũi La che chắn về phía Đông, trong khu vực có nhiều hang, gộp đá làm nơi cất giấu vũ khí ban đầu trước khi chuyển về căn cứ nếu chuyển hàng từ tàu xuống bến đưa vào núi nhanh rồi chuyển tiếp theo đường bộ về sau và trung chuyển bằng thuyền, ghe theo đường biển lên Bãi Xếp đưa vào căn cứ miền Đông thì bảo đảm được yếu tố bí mật, bất ngờ cao.

d) Xây dựng địa bàn và tổ chức lực lượng, chuẩn bị mọi mặt cho công tác tiếp nhận, bảo vệ và vận chuyển hàng

Khi Vũng Rô được chính thức chọn làm bến tiếp nhận vũ khí chi viện từ miền Bắc chuyển vào bằng đường biển, đồng chí Trần Suyền về xã Hòa Hiệp trực tiếp giao nhiệm vụ tổ chức lực lượng, chỉ đạo mọi mặt chuẩn bị cho việc tiếp nhận hàng. Đồng chí Vũ Tân Tiên Chủ tịch xã, đồng chí Phạm Khắc Minh - Bí thư xã thay mặt địa phương nhận nhiệm vụ.

Công tác chuẩn bị đón chuyển tàu vào Vũng Rô: xã Hòa Hiệp điều động 150 cán bộ đảng viên, đoàn viên, quần chúng giác ngộ tốt (trong đó có 50 đảng viên, 20 nữ) - chủ yếu ở hai thôn Phú Lạc, Đa Ngư và một phần thôn Thọ Lâm chia thành nhiều bộ phận để phục vụ công tác bến bãi, chuyển hàng.

Để chuẩn bị phục vụ cho lực lượng dân công các nơi về và dự phòng cho lực lượng tại chỗ, xã đã tổ chức dự trữ trên 10 tấn gạo, thực phẩm ở kho Ông Châm do Ban Kinh tài huyện tiếp nhận của các xã Hòa Hiệp, Hòa Xuân. Mỗi khu kho tận dụng hang gộp đá và cải tạo nhằm che chắn mưa, có giá đỡ, đòn kê bảo đảm chứa được từ 15 đến 20 tấn, việc phụ trách do cán bộ hậu cần tỉnh, huyện; 2 xã Hòa Hiệp và Hòa Xuân cử các ông Trần Tạo và Lê Phước phụ trách, có 50

người giúp việc. Số dân công còn lại cùng bộ đội bốc dỡ hàng từ tàu xuống bến và nguy trang tàu khi bốc dỡ hàng xong. Với sự nỗ lực ngày, đêm của mọi lực lượng, các kho bãi chuẩn bị xong vào ngày 15 tháng 11 năm 1964 và đã được huyện kiểm tra kỹ lưỡng.

Dưới sự chỉ đạo của cán bộ chỉ huy bến, từ ngày 5 tháng 11 năm 1964, có sự bảo vệ, giúp đỡ của trung đội vũ trang tập trung huyện, Đại đội K64 Phân khu Nam, 2 tiểu đội dân quân xã Hòa Hiệp đưa 200 dân công tập kết bí mật ở làng Thượng, suối Lim, một bộ phận ở Bùng Bình làm việc theo từng nhóm.

Hơn 23 giờ 30 phút ngày 28/11/1964, Tàu không số do Thuyền trưởng Hồ Đắc Thạnh, Chính trị viên Trần Hoàng Chiêu cùng 19 thuyền viên chở 63 tấn vũ khí từ miền Bắc vào cập bến an toàn. Cán bộ, chiến sĩ thủy thủ tàu cùng những người ở bên tay bắt mắt mừng ôm nhau mà khóc, rồi trực tiếp vác từng khẩu súng, thùng đạn lên bờ... Từ đây trang bị cho các lực lượng vũ trang tỉnh, quân khu đủ sức đánh những trận đánh lớn, thắng lợi lớn hơn, sớm giải phóng quê hương, giải phóng miền Nam.

Khi chuyển tàu Không số đầu tiên cập bến Vũng Rô, công việc bốc xếp hàng hết sức khẩn trương. Những thùng hàng đầu tiên từ Bãi Chính - Vũng Rô đã được đưa đến cầu Cây Khế, vượt Bãi Môn len lách qua những dốc đá cheo leo tập kết ở Hang Vàng. Hàng từ kho Hang Vàng vượt qua hành lang Hoà Xuân vận chuyển về tuyến sau.

Trước sự phát triển lớn mạnh của cách mạng, yêu cầu của chiến trường Khu 5, Khu 6 và điều kiện bảo đảm của Bến Vũng Rô thuận lợi, chuyển Tàu Không số thứ 2 tiếp tục cập bến Vũng Rô vào 23 giờ ngày 25/12/1964, xã Hòa Hiệp tiếp tục động viên, chọn và tuyển thêm 200 dân công cùng 10 chiếc thuyền, ghe để chuyển hàng theo đường bộ và đường biển về Bãi Xếp, kho Hang Vàng, kho Hàng Sỏi... kịp thời cho dân công các xã Hòa Thịnh, Hòa Mỹ, Hòa Tân... chuyển tiếp về căn cứ Hòa Thịnh, suối Phấn, bên Đá, tạo thuận lợi cho các tỉnh bạn Khánh Hòa, Đắk Lắk đến nhận hàng. Kinh nghiệm chỉ đạo điều hành bến, cũng như thực hiện bốc dỡ vận chuyển hàng của chuyến 1 đã có, nên tổ chức đón tiếp bốc dỡ hàng chặt chẽ, nhanh gọn và trong đêm đưa tàu vào nơi trú ẩn, nguy trang an toàn. Những ngày này chuyển hàng số 1 đã được chuyển lên đường dây đi các tỉnh Đắk Lắk, Khánh Hòa.

Để bảo đảm công tác bảo vệ bến và thực hiện nhiệm vụ trạm, kho được mở rộng, tháng 12/1964, Ban chỉ huy bến (được sự đồng ý của Quân khu 5) tổ chức tuyển quân trên 120 thanh niên từ các thôn: Phú Lạc, Đa Ngư, Thọ Lâm, Lò Ba của xã Hòa Hiệp lập thành đại đội lấy mật danh K60. Với khí thế chiến trường và kết quả nhận hàng ở bến Vũng Rô, cuối tháng 12 năm 1964 xã Hòa Hiệp cung cấp đủ quân cho Đại đội K60 tổ chức 3 trung đội bộ binh, 2 tiểu đội hỏa lực (cối, đại liên), Ban chỉ huy và lực lượng phục vụ, trang bị đủ mạnh do đồng chí Trúc Khuê làm Đại đội trưởng, đồng chí Phạm Ân làm Chính trị viên, đồng chí Hồ Thanh Bình và đồng chí Lê Văn Lĩnh làm Đại đội phó. Đại đội K60 với khí thế hùng hục vừa huấn luyện vừa bốc hàng từ tàu lên bến, vừa bảo vệ bến, bảo vệ hành lang từ đến khu kho Bãi Xếp và bảo đảm chuyển lương thực cho bến.

Lúc 23 giờ 50 phút rạng ngày 01/2/1965, chuyến tàu không số thứ 3 cập bến Vũng Rô an toàn. Mừng vui khôn xiết đúng vào đêm giao thừa mừng năm mới Ất Tỵ. Công tác đón tàu, bốc dỡ chuyển tải hàng thuận lợi, hàng tiếp tục chuyển dần vào các kho cả mang vác bộ và dùng cả ghe nhỏ độ 1-2 tấn chuyển lên kho bãi Xép, bãi Tiên - Hòa Xuân... Tiếp đó là những đoàn dân công vài ba chục người vác, mang, chuyển theo đường giao liên vượt đường Quốc lộ 1A qua đoạn Hòa Xuân để đưa hàng về Tây Nguyên một cách bí mật an toàn, hiệu quả, tránh được sự dòm ngó và tuần tra của địch.

Để bảo đảm bí mật cho việc tiếp nhận lâu dài theo sự chỉ đạo của cấp trên, xã Hoà Hiệp chú trọng tổ chức nắm địch từ xa (các thôn ở phía Bắc xã địch còn tạm kiểm soát và tình hình hoạt động của địch ở huyện Tuy Hòa). Trung đội du kích tập trung của xã do đồng chí Trần Kim Bang chỉ huy luôn bám đánh địch ở Phú Hiệp.

Du kích Hoà Xuân phối hợp cùng trung đội bộ đội huyện Tuy Hoà 1 bám đánh địch ở Đại Lãnh, chuẩn bị sẵn sàng khi có lệnh tiêu diệt trung đội dân vệ đóng quân ở đây để thu hút địch, không cho chúng rảnh tay nhòm ngó Vũng Rô.

Mặt khác du kích Hòa Hiệp, Hòa Xuân, Hoà Vinh làm nhiệm vụ phát động quần chúng diệt ác ôn, đẩy phong trào cách mạng ngày càng mạnh lên, mở rộng địa bàn an toàn.

Tình hình chiến trường phát triển khẩn trương và biến động nhanh, lệnh của cấp trên (Bộ); bến Vũng Rô (HB16) chuẩn bị gấp nhận chuyển hàng thứ 4 ngoài kế hoạch (chuyến Tàu 143 dự định ban đầu không phải vào bến Vũng Rô). Sau cuộc họp gấp của Ban chỉ huy bến có sự tham gia của lãnh đạo hai xã Hòa Hiệp, Hòa Xuân, chỉ huy đơn vị vũ trang bảo vệ bến, do đồng chí Trần Suyền chủ trì, Ban chỉ huy bến và lãnh đạo hai xã, đơn vị vũ trang về vận động cán bộ, chiến sĩ, dân công ở bến với tinh thần tiến công địch, khẩn trương làm công tác chuẩn bị sẵn sàng đón tàu, nhận hàng dù thời gian gấp chỉ trong ba ngày, lại vừa giải quyết hàng chuyển thứ ba còn tồn đọng ở bến.

23 giờ, đêm ngày 15/2/1965, Tàu 143 có trọng tải 100 tấn do Thuyền trưởng Lê Văn Thêm, Chính trị viên Phan Văn Bằng chỉ huy cập bến Vũng Rô, trên bến khẩn trương đưa lực lượng bốc dỡ hàng, lực lượng này gồm Đại đội K60, Đại đội K64/83 Quân khu 5 cùng du kích và hàng trăm dân công hai xã Hòa Hiệp, Hòa Xuân. Địch phát hiện Tàu 143, chúng tập trung lực lượng đánh tàu và bến. Hai ngày 18 và 19 tháng 2, địch đổ bộ lên bờ, du kích Hòa Hiệp cùng bộ đội K60 và Trung đội huyện Tuy Hòa, Trung đội K64 phân chia từng tổ tiểu đội chặn mọi lối ra vào bến đánh diệt nhiều tên địch, không cho chúng vào gần... Những ngày sau đó địch mở rộng bàn đạp, chiến sự xảy ra ác liệt nhiều ngày, quân và dân Phú Yên không hề nao núng, anh dũng chiến đấu đến cùng để bảo vệ tài sản của Đảng và Nhà nước.

3. Sự kiện Vũng Rô (tháng 2 năm 1965)

Ngày 1 tháng 2 năm 1965 (mùng 8 Tết Ất Tỵ), Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Hải quân, trực tiếp là Đoàn 125 giao nhiệm vụ cho tàu 143 do Thuyền trưởng Lê Văn Thêm và Chính trị viên Phan Văn Bằng phụ trách, chở 63 tấn vũ khí rời cảng Bình

Động vào bên Lộ Diêu (Bình Định). Sau khi xuất bến, do địch tăng cường hoạt động tuần tiễu trên biển nên tàu 143 không thể đi tiếp, phải dừng lại ở đảo Hải Nam 10 ngày chờ thời cơ.

Đến ngày 10 tháng 2 năm 1965, tàu 143 rời Hải Nam. Sau 2 ngày lên đênh, luôn lách tránh địch trên biển, do tình hình bên Lộ Riêu - Bình Định gặp khó khăn, Sở chỉ huy quyết định không cho tàu 143 cập bến theo dự kiến và điện cho bên Vũng Rô chuẩn bị tiếp nhận hàng.

Nhận được lệnh khẩn cấp, thời gian gấp, được sự động viên của Ban chỉ huy bến (mới hình thành sau chuyến thứ 3), lực lượng K60 (bộ đội tập trung của huyện Tuy Hoà, gồm 3 trung đội bộ binh, 1 tiểu đội hoả lực) và dân công tiếp tục triển khai chuẩn bị đón hàng, đến ngày 14 tháng 2 năm 1965, mọi công tác chuẩn bị được hoàn tất.

Tàu 143 vào Vũng Rô lần đầu tiên nên chưa thông thạo luồng lạch, bến bãi tiếp nhận.

Do bãi Chính mới nhận xong chuyến thứ 3 nên vị trí cất giấu hàng hạn chế. Để phân tán hàng, Ban chỉ huy bến quyết định xuống hàng ở bãi Bàng (điểm cận kề bãi Chính về phía Nam).

Vì tình hình khẩn trương, Sở chỉ huy điện cho bên Vũng Rô là phải tìm mọi cách tập trung bốc dỡ hàng trong đêm kịp cho tàu rời bến, không dừng lại qua ngày như các chuyến trước. [7]

Ngày 15 tháng 2 năm 1965, tàu 143 cập bến Vũng Rô. Lực lượng bốc dỡ hàng lần này gồm du kích Hoà Hiệp, lực lượng K60 và Tiểu đoàn 83 hỗ trợ.

Suốt một đêm bốc dỡ cật lực, đến 3 giờ 30 phút sáng 16 tháng 2 năm 1965 thì hoàn thành việc xuống hàng. Tàu 143 có đủ thời gian để rời bến nhưng đúng lúc tàu rời bến thì tời neo hỏng, phải sửa đến 5 giờ sáng mới xong. Lúc này trời đã hửng sáng, tàu không còn thời gian rời bến nên phải nằm lại. Tàu được thủy thủ và du kích nguy trang tàu theo phương án đã chuẩn bị.

Khoảng 10 giờ sáng ngày 16 tháng 2 năm 1965, một chiếc HU-1B chở quân địch bị thương, bay dọc quốc lộ 1 từ Quy Nhơn về Nha Trang. Khi bay qua Vũng Rô, viên phi công Giêm-mơ Bao-ơ nhìn thấy “một mỏm đá lạ nhô ra trên vách núi phía Tây Vũng Rô” mà những ngày trước không thấy. Viên phi công này liền báo cho Thiếu tá Hác-vây P.Rốt-giơ - Chỉ huy “vùng duyên hải 2” của hải quân Mỹ ở Nha Trang. Thiếu tá Rốt-giơ báo ngay tin này cho Thiếu tá Hồ Văn Kỳ Thoại - Tư lệnh vùng duyên hải 2 của hải quân nguy. [8]

11 giờ sáng ngày 16 tháng 2 năm 1965, địch điều 1 máy bay trinh sát đến Vũng Rô lượn nhiều vòng quan sát và chụp ảnh. Cơ quan tham mưu Mỹ nhận ngay ra sự khác biệt giữa các tấm ảnh chụp ngày 16 tháng 2 với các tấm ảnh được chụp trước đó.

Từ Nha Trang, máy bay trinh sát địch liên tục bay về phía Vũng Rô.

Trước những hoạt động lạ của máy bay Mỹ, nhận định khả năng tàu 143 đã bị lộ, Ban chỉ huy bến Vũng Rô cho dừng công tác vận chuyển, phối hợp cùng lực lượng K60 khẩn trương triển khai nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu theo kế hoạch, còn lực lượng dân công tiếp tục nguy trang và chuyển hàng về nơi cất giấu.

13 giờ ngày 16 tháng 2 năm 1965, hai chiếc trực thăng vũ trang của địch lượn vòng phía bãi Môn, một máy bay trinh sát lao tới ném 1 quả pháo mù xuống "mỏm đá lạ". Tiếp đó 2 chiếc AD6 tới ném xuống một loạt bom xăng, làm lá nguy trang trên tàu 143 bị cháy. Tàu 143 hoàn toàn bị lộ, một phần tàu bị chìm xuống biển. Từ lúc đó đến tối, nhiều tốp máy bay Mỹ liên tục đến ném bom khu vực Vũng Rô.

Địch điều một đại đội của sư đoàn 23 ở Tuy Hoà vào Vũng Rô bằng chiếc tàu đổ bộ LSM 405 của hải quân nguy; các đơn vị thuộc "nhóm ven biển 24" của hải quân nguy cũng được lệnh hỗ trợ, đội hải cầu (SEAL) của hải quân nguy được lệnh cung cấp người lặn.

Trước tình hình ngày càng xấu đi nghiêm trọng, Ban chỉ huy tàu và chỉ huy bến họp quyết định cho nổ phá tàu, xoá dấu vết. 16 giờ, đồng chí Nguyễn Long An và một thủy thủ nữa được lệnh tìm cách xuống tàu sử dụng bộc phá huỷ tàu để xoá dấu vết, không cho địch lấy tàu. Trong khoang máy của tàu đã cài sẵn 500kg bộc phá, đủ sức để nổ tung chiếc tàu. Vượt qua bom đạn địch, hai đồng chí bơi ra và lên được tàu nhưng lúc này bom địch thả xuống đã làm tàu nghiêng hẳn một bên nên dù đã lặn xuống nước nhiều lần và cố gắng hết mức nhưng cả hai người vẫn không vào được khoang máy vì một phần tàu đã bị chìm nên đành phải bơi vào bờ.

Đến đêm 17 tháng 2 năm 1965, một tiểu đội công binh của Quân khu được phái xuống dùng thuyền đưa một lượng thuốc nổ khoảng 600 - 700kg ra huỷ tàu, gây nổ bằng nự xoè và dây cháy chậm. Nhưng do lượng nổ không nổ hết, tàu chỉ vỡ đôi và chìm xuống biển nên không xoá được triệt để dấu vết.

Suốt ngày 18 tháng 2, máy bay phản lực, trực thăng vũ trang địch bắn phá nhiều đợt, tàu địch áp sát bãi Chính. Súng địch từ ngoài tàu bắn vào, lực lượng ta bắn trả. Quân ta kiên cường chống trả từ chiều và đêm ngày 18 đến suốt ngày 19 tháng 2, diệt hơn chục tên ở suối Khê. Địch cho quân đổ bộ, anh em du kích và thủy thủ chia thành từng nhóm nhỏ chặn mọi lối vào ra của bến, quyết không cho địch tiến vào.

Đến sáng 24 tháng 2, địch đổ thêm quân, triển khai từ đường số 1 và các điểm cao ở mọi hướng, đánh xuống, xiết chặt vòng vây.

Do lực lượng của ta so với địch không cân sức nên đêm 24 tháng 2, Ban chỉ huy bến và chỉ huy tàu 143 quyết định cho anh em phá vòng vây rút lui. Trước khi rút, du kích và các thủy thủ đặt mìn phá một số hàng mới đưa vào chưa chuyển kịp nhưng phá không hết.

Những ngày kế tiếp, Mỹ - nguy tổ chức cho biệt kích "người nhái" lặn tới chỗ tàu của ta bị chìm mò vớt thu được một số vũ khí, tài liệu liên quan đến công tác vận chuyển của ta, đồng thời tháo gỡ một số bộ phận của tàu 143 chở về Sài Gòn.

Tiếp đó, chúng tăng quân sức sạo khu vực Vũng Rô và đã tìm thấy một số hầm ta cất giấu vũ khí, kể cả số vũ khí vừa đưa vào chuyển trước chưa kịp chuyển đi. Ngay sau đó, Mỹ - nguy tổ chức một cuộc triển lãm khá lớn ở Sài Gòn, làm rùm beng về chiến tích thu hồi vũ khí Bắc Việt tiếp tế cho Việt cộng bằng đường biển.

“Sự kiện Vũng Rô” là sự kiện lớn trong lịch sử của tuyến chi viện chiến lược trên biển. Nó chấm dứt giai đoạn bí mật, chuyển sang giai đoạn mới: giai đoạn địch đã phát hiện ra tuyến chi viện trên biển của ta.

II. Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG BÊN VŨNG RÔ TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Ý nghĩa lịch sử của những chuyến tàu huyền thoại vào Vũng Rô

Đường Hồ Chí Minh trên biển là một nét độc đáo sáng tạo của chiến tranh nhân dân trên chiến trường sông, biển do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo. Nó đã trở thành huyền thoại trong công cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

Chiến công to lớn ấy thuộc về Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nhân dân ta. Là sự lãnh đạo sáng suốt, sự chỉ huy tài tình của các cấp từ Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Hải quân, Đảng ủy - chỉ huy đoàn tàu đã giáo dục rèn luyện đào tạo nên một đội ngũ cán bộ tàu, thủy thủ hết mực trung thành với mục tiêu lý tưởng dám xả thân vì nhiệm vụ, mặc dù biết mỗi lần ra đi có thể đến bến nhưng cũng có thể hy sinh vì bão tố và chiến đấu với kẻ thù, rồi mãi mãi nằm lại nơi biển khơi.

Mỗi con tàu là một tập thể kiên trung, không có khó khăn nào ngăn cản, không có tình huống nào không có cách giải quyết. Bình tĩnh dũng cảm khi gặp địch, mưu trí sáng tạo trong cách nguy trang cải dạng che mắt kẻ thù. Khi vào rừng U Minh thì lấy rừng đước, rừng chàm che mình. Khi vào Vũng Rô thì cập tàu vào núi nguy trang ở lại ban ngày. Khi tàu qua vùng biển có nhiều tàu đánh cá thì giả dạng tàu cá, nơi có tàu dầu thì giả dạng tàu dầu. Khi mang biển số này, quốc kỳ nước này; khi mang biển số khác, quốc kỳ nước khác...

Mỗi cán bộ thủy thủ của tàu, ngoài ý thức nghĩa vụ, người lính thời chiến còn có tình cảm quê hương thôi thúc và được Đảng bộ, Nhân dân các bến cưu mang đùm bọc, chở che tạo nên một niềm tin, một sức mạnh không gì lay chuyển nổi.

Hiệu quả chung nhất của tuyến vận tải bằng đường biển là góp phần đánh thắng Mỹ - ngụy, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc. Với 75 tấn vũ khí Tàu 56 đưa vào bến Lộc An - Bà Rịa, bộ đội miền Đông Nam Bộ đã làm nên chiến thắng Bình Giả - một trận thắng lớn nhất từ trước đến ngày 22 tháng 12 năm 1964, góp phần đánh bại chiến tranh đặc biệt của Mỹ - ngụy. Với 33 tấn vũ khí của Tàu gỗ 401 vào Lộ Diêu - Bình Định, giữa năm 1964, bộ đội Khu 5 đã làm nên chiến thắng Đèo Nhông - Dương Liễu. Với 200 tấn vũ khí Tàu 41 mang vào Vũng Rô đã tăng thêm sức mạnh cho quân dân 3 tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà, Đắk Lắk lập nên nhiều chiến thắng làm thay đổi cục diện chiến trường.

Qua 3 chuyến vận chuyển thành công, Vũng Rô tiếp nhận gần 200 tấn vũ khí, bổ sung kịp thời cho các lực lượng vũ trang Phân khu Nam. Ở Phú Yên nhận 10.000 khẩu súng các loại, 10 tấn đạn dược thuốc nổ, 01 tấn thuốc tân dược; Ban Y tế Phú Yên nhận 500 kg tân dược. Đặc biệt, cả cơ quan Huyện ủy, Huyện đội, lực lượng vũ trang huyện Tuy Hòa 1 trực tiếp nhận trang bị tại chỗ đầy đủ; riêng lực lượng du kích có khoảng 6.976 người được trang bị gần 3.000 súng các loại. Xưởng quân giới bảo đảm được nguyên vật liệu để sản xuất các loại lựu đạn, mìn,

thủ pháo có uy lực sát thương cao. Khi được trang bị đầy đủ vũ khí, toàn tỉnh hoạt động mạnh và liên tục, mở ra vùng giải phóng nông thôn, đồng bằng, dồn địch co cụm lại ở thị trấn, thị xã, dọc trục giao thông thành 8 cụm chông chênh: Phú Lâm, Tuy Hòa, Củng Sơn, Cà Lúi, Phú Tân, La Hai, Xuân Phước, Sông Cầu, cùng với quân dân Phân khu Nam góp phần đánh bại Kế hoạch MacNamara, đẩy chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đến chỗ phá sản hoàn toàn trên chiến trường Khu 5.

Những chuyến hàng vận chuyển vào Vũng Rô còn mang đến cho Khu 5 là tình thương của Đảng, của Bác và của đồng bào miền Bắc ruột thịt, tô thắm thêm tình đoàn kết giữa quân và dân hai miền trong thực hiện nhiệm vụ cách mạng. Nó củng cố niềm tin chắc thắng, thiết thực cổ động tinh thần chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ trên các chiến trường, vì thắng lợi chung.

Vận chuyển vũ khí vào Vũng Rô (Phú Yên) bằng đường biển (cuối năm 1964 - đầu năm 1965) mang một ý nghĩa lịch sử trọng đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, có sự phối hợp chi viện của hậu phương, thực lực kháng chiến đã được tăng cường mạnh mẽ, góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng. Đồng thời, còn để lại những bài học kinh nghiệm quý báu về xác định tuyến vận tải và tính chất bí mật bất ngờ, về quá trình xây dựng bến bãi, cầu tàu và tổ chức tiếp nhận hàng... Đó là những kinh nghiệm rất cần được nghiên cứu vận dụng trong điều kiện mới.

2. Tiếp tục phát huy truyền thống Bến Vũng Rô trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Năm 1986, Vũng Rô đã trở thành Di tích lịch sử cấp Quốc gia; đến năm 2001, Bia di tích Bến Vũng Rô đã được xây dựng; sau đó, Đài tưởng niệm Vũng Rô hoàn thành, để mãi khắc ghi một sự kiện oai hùng trong lịch sử chiến tranh dân tộc. Hiện nay, tỉnh Phú Yên cũng kiến nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia xem xét, cho ý kiến về hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích Tàu không số Vũng Rô là di tích quốc gia đặc biệt

Phát huy truyền thống quê hương Phú Yên anh hùng, thời gian qua, bằng sự nỗ lực vượt khó, năng động, sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng; sự đoàn kết, đồng lòng vượt khó và ý chí vươn lên của Nhân dân đã đưa Phú Yên từ một tỉnh nghèo trở thành địa phương có nền kinh tế tăng trưởng cao hơn mức bình quân chung của cả nước, giàu tiềm năng và sẵn sàng hội nhập. Bằng ý chí quyết tâm sắt đá, Đảng bộ, quân và dân tỉnh Phú Yên chung sức, đồng lòng phát huy tinh thần tự lực tự cường, từng bước khắc phục khó khăn, khai thác mọi nguồn lực, tập trung xây dựng quê hương.

Từ một tỉnh nghèo, thuần nông, kinh tế Phú Yên đã có bước phát triển mạnh mẽ với tốc độ khá cao và chuyển dịch cơ cấu đúng hướng, bình quân giai đoạn 1990 - 2020 đạt khoảng 9%, riêng năm 2023 đạt 9,16% đứng thứ 10 cả nước. 6 tháng đầu năm 2024, GRDP của tỉnh tăng 6,25% so với cùng kỳ năm trước, xếp vị thứ 33/63 tỉnh, thành phố và xếp vị thứ 9/14 ở khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. Đây là tiền đề để Phú Yên từng bước tạo lập các yếu tố đảm bảo phát triển bền vững, góp phần đẩy nhanh tiến trình CNH - HĐH.

Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Phú Yên đã phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, tiếp tục đổi mới tư duy, cách thức thực hiện; quyết tâm cải

cách hành chính, chuyển đổi số, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, tạo đột phá trong nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh để triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển. Bên cạnh đó, các cấp, ngành, địa phương liên quan cũng nhanh chóng triển khai Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng KKT Nam Phú Yên đến năm 2040 đã được Thủ tướng phê duyệt. Điều này sẽ mở ra hướng phát triển cho tỉnh trở thành một trung tâm kinh tế biển của vùng duyên hải Trung Bộ.

Tỉnh cũng nỗ lực, đoàn kết, sáng tạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT - XH năm 2024; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; huy động mọi nguồn lực xây dựng Phú Yên phát triển nhanh và bền vững, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, góp phần hiện thực hoá khát vọng Phú Yên phú cường và thịnh vượng, xây dựng đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

Trong những năm tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó dự báo. Hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn, song đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức. Các nước lớn vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh quyết liệt; tăng cường điều chỉnh chiến lược, lôi kéo, tập hợp lực lượng. Nhiều điểm nóng, xung đột tiếp tục tồn tại, có nguy cơ lan rộng. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc. Sự xuất hiện của các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hiện đại, nhiều hình thái chiến tranh mới làm thay đổi môi trường chiến lược. Các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng gay gắt, tác động tiêu cực đến sự tồn tại, phát triển bền vững của các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Ở trong nước, mặc dù đạt được nhiều thành tựu về kinh tế - xã hội, kinh tế vĩ mô bảo đảm ổn định nhưng chưa thật sự vững chắc; tiềm lực đất nước tiếp tục được tăng cường, uy tín, vị thế trên trường quốc tế được nâng cao, song cũng còn nhiều khó khăn, thách thức. Bốn nguy cơ Đảng ta xác định vẫn còn hiện hữu; những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, tình trạng tham nhũng chưa được đẩy lùi; sự xuống cấp của một số giá trị văn hóa và đạo đức, những mâu thuẫn, bức xúc trong xã hội còn diễn biến phức tạp. Tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông còn tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định. Các thế lực thù địch, phản động tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước, Quân đội với âm mưu, thủ đoạn ngày càng công khai, trực diện và tinh vi hơn.

Trên địa bàn tỉnh, tình hình an ninh chính trị, kinh tế - xã hội vẫn tồn tại một số vấn đề phức tạp, nhạy cảm có thể gây mất ổn định; tình hình an ninh nông thôn, một số tranh chấp, khiếu kiện, nhất là liên quan đến công tác đền bù, giải phóng mặt bằng chưa được giải quyết dứt điểm sẽ tiềm ẩn nguy cơ phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; các thế lực phản động, thù địch, phản tử cơ hội chính trị trong và ngoài tỉnh lợi dụng đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, kích động gây rối, biểu tình,

bạo loạn chống phá. Tình hình thiên tai, dịch bệnh dự báo cũng có những diễn biến phức tạp, tác động, ảnh hưởng đến nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của Nhân dân.

Phát huy những bài học kinh nghiệm quý báu trong lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc, trong lịch sử xây dựng, chiến đấu và chiến thắng của quân và dân Phú Yên, chúng ta tiếp tục giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với LLVT và nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Quán triệt sâu sắc và thực hiện có hiệu quả đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân; khơi dậy và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, ý chí tự lực, tự cường, truyền thống văn hóa tốt đẹp, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tăng cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và “thể trận lòng dân” vững chắc. Thực hiện có hiệu quả Chương trình số 41, ngày 23/4/2024 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 44, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, xây dựng lực lượng Dự bị động viên hùng hậu, trong đó lấy xây dựng chính trị làm cơ sở. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội đối với nhiệm vụ tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng; chú trọng tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam, đường lối, quan điểm của Đảng, yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, bồi dưỡng ý thức trách nhiệm, tinh thần cảnh giác cách mạng trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Chú trọng xây dựng tiềm lực, lực lượng, thể trận quốc phòng, nâng cao tính bền vững và khả năng huy động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng trong các tình huống. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh và giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hoá, xã hội và đối ngoại theo đúng quan điểm chỉ đạo: “Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”. Thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 26/3/2019 về thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW, phần đầu đưa Phú Yên thành tỉnh phát triển mạnh về kinh tế biển; Chương trình hành động số 09-CTr/TU, ngày 18/8/2021 của Tỉnh ủy về đầu tư phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, phần đầu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh vào năm 2030; Chương trình hành động số 10-CTr/TU, ngày 18/8/2021 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế biển gắn với đẩy mạnh thu hút đầu tư, nhất là Khu kinh tế Nam Phú Yên.

Nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng SSCĐ của LLVT tỉnh; xây dựng LLVT tỉnh vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ XHCN; có trình độ và khả năng SSCĐ cao, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Giữ

vững và phát huy truyền thống vẻ vang của LLVT tỉnh, phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” và nghệ thuật quân sự Việt Nam; thực hiện tốt chức năng “đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất”; sẵn sàng các phương án bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, ứng phó các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; nâng cao năng lực phòng, chống chiến tranh không gian mạng, chiến tranh thông tin; đồng thời, quan tâm, chăm lo thực hiện tốt chính sách đối với Quân đội và chính sách hậu phương quân đội.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng theo tinh thần Kết luận số 53 ngày 28/4/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 2662-NQ/QUTW ngày 26/2/2024 của Quân ủy Trung ương về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Quán triệt và thực hiện tốt phương châm “tích cực, chủ động, chắc chắn, linh hoạt, hiệu quả” trong hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng, kiên định chính sách quốc phòng “Bốn không” của Việt Nam trong quan hệ quốc tế (*không* tham gia liên minh quân sự, *không* liên kết với nước này để chống nước kia, *không* cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác, *không* sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế). Từ đó, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, tăng cường lòng tin chiến lược, giữ vững môi trường hòa bình, hợp tác, cùng phát triển, góp phần bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”.

Kỷ niệm 60 năm Bến Vũng Rô tiếp nhận chuyến hàng đầu tiên của Tàu không số vào Bến Vũng Rô (28/11/1964 - 28/11/2024), là dịp để chúng ta bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với công lao to lớn, sự hy sinh cao cả của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ, dân công, du kích bảo vệ Bến, bãi, vận chuyển hàng hóa, vũ khí, thủy thủ Tàu không số. Những thành tích và bài học kinh nghiệm của các đơn vị K60, K64, các đơn vị LLVT của địa phương tỉnh, huyện, xã trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây là di sản vô cùng quý báu, phải được giữ gìn và tiếp tục phát huy, phát triển trong những điều kiện mới, vẫn còn nguyên giá trị trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay. Đảng bộ và Nhân dân Phú Yên nguyện ra sức xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh đúng như tên gọi của nó, mãi xứng đáng với những cống hiến to lớn của các anh hùng liệt sĩ và các thế hệ cha anh đi trước./.

[1] Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2005), Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.402.

[2] Thiếu tướng Võ Bẩm (2006), Những nẻo đường kháng chiến, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.110.

[3]. Đoàn 559 (1999), Lịch sử Đoàn 559 - Bộ đội Trường Sơn đường Hồ Chí Minh, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.22.

[4] Tổng cục Hậu cần (1992), Lịch sử vận tải Quân đội nhân dân Việt Nam (1945-1975), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.150.

[5] Lịch sử Đoàn 125 hải quân (1961-2001), (2001), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.18.

- [6]. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên - Sở Khoa học và công nghệ Phú Yên (2007), Vũng Rô - những chuyến tàu lịch sử - kỷ yếu hội thảo, Phú Yên, tr.150.
- [7]. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên - Sở Khoa học và công nghệ Phú Yên (2007), Vũng Rô - những chuyến tàu lịch sử - kỷ yếu hội thảo, Phú Yên, tr.78.
- [8]. Phillip Gutzman, "Thunder from the sea", <http://www.dd-692.com>.